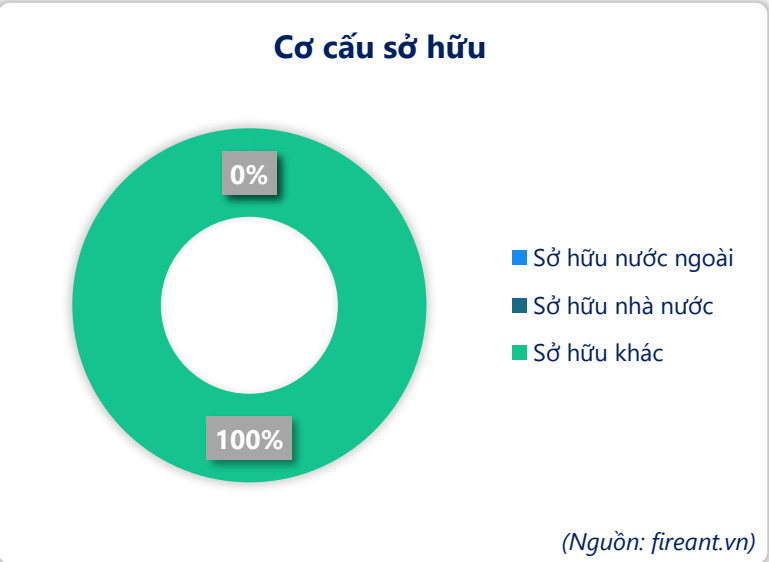
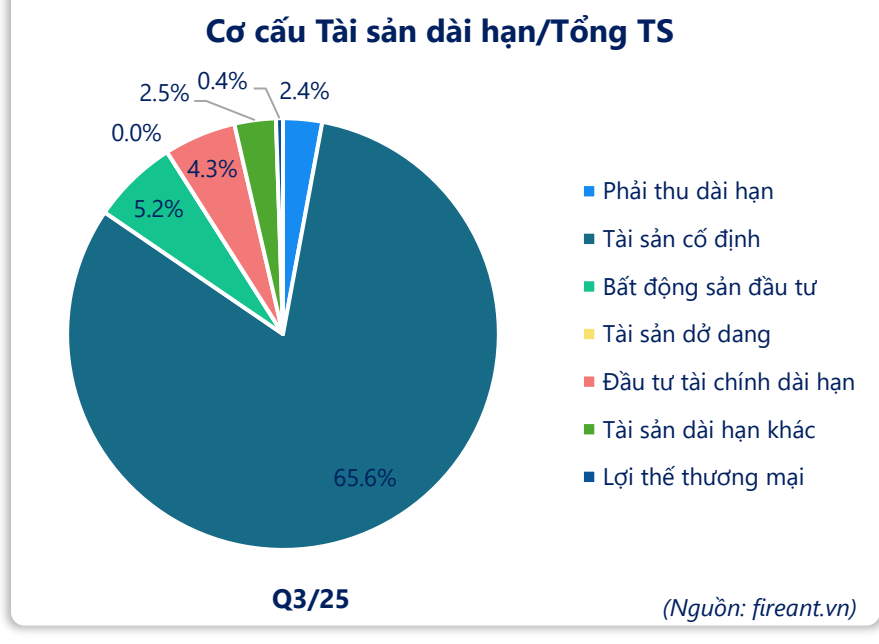
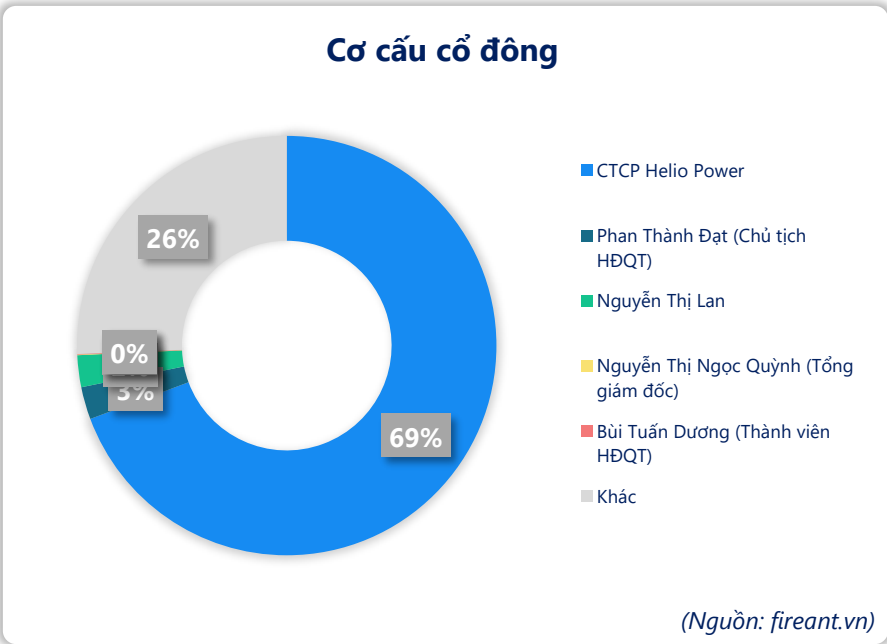
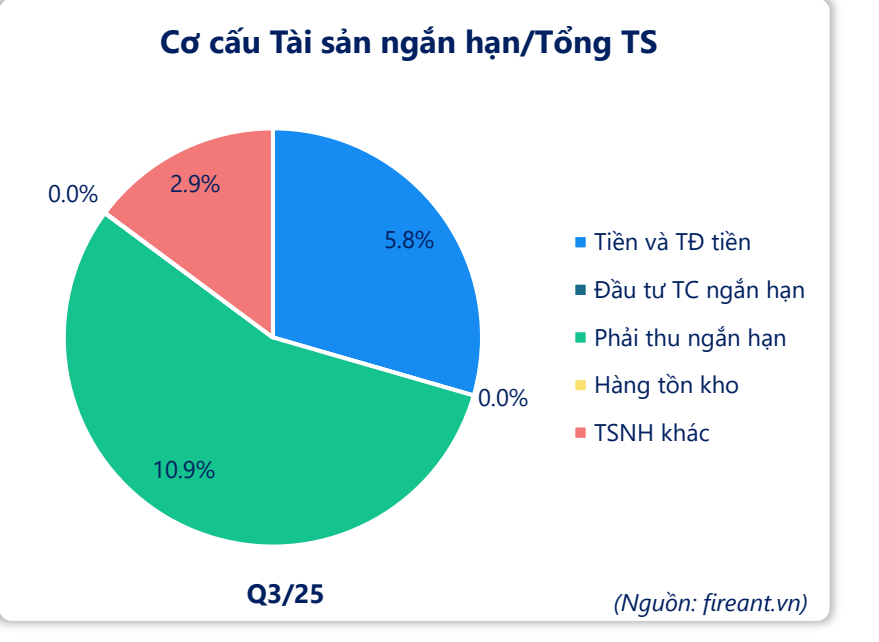
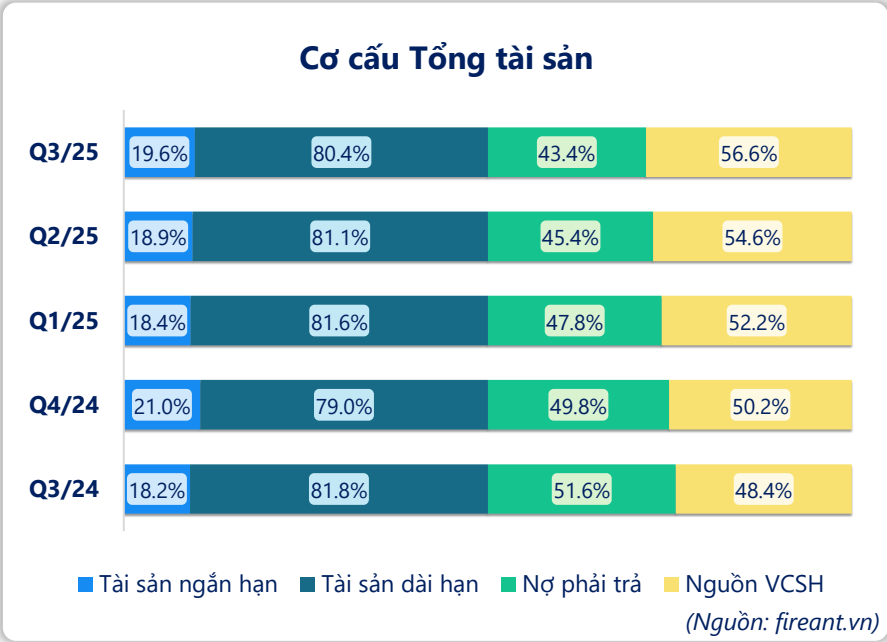


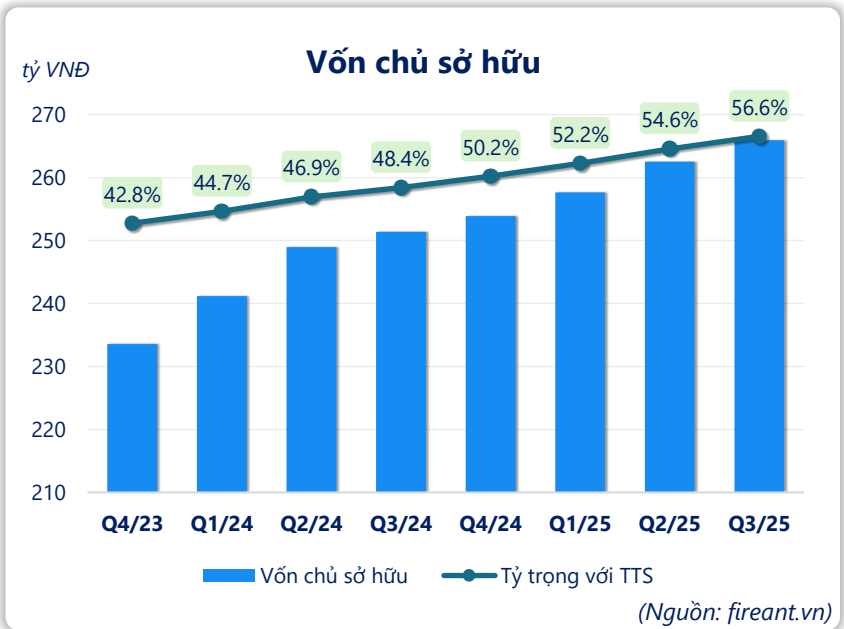
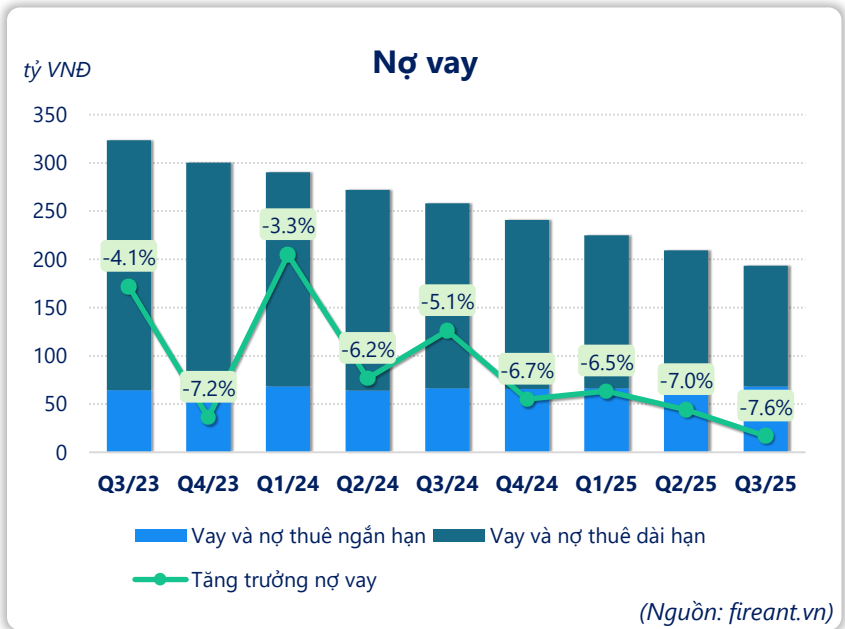
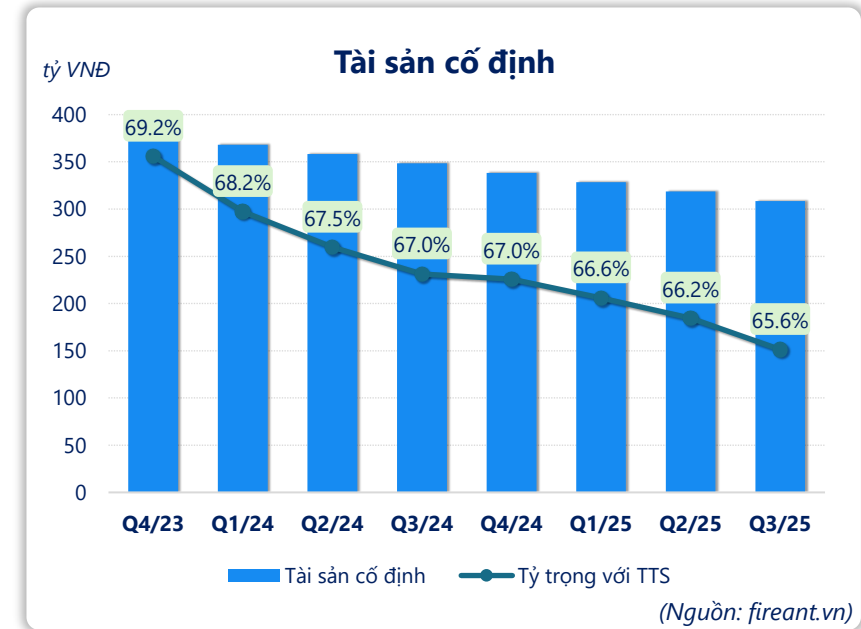
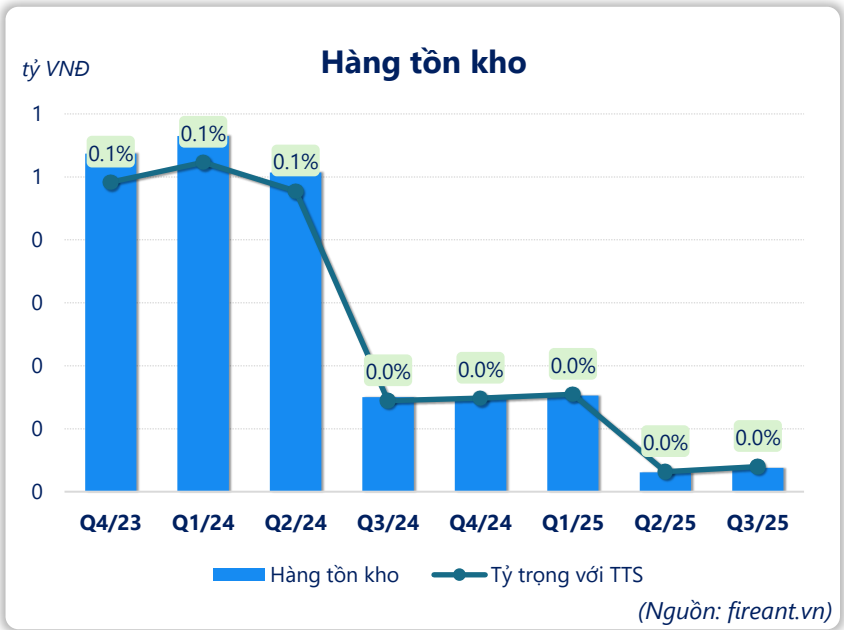
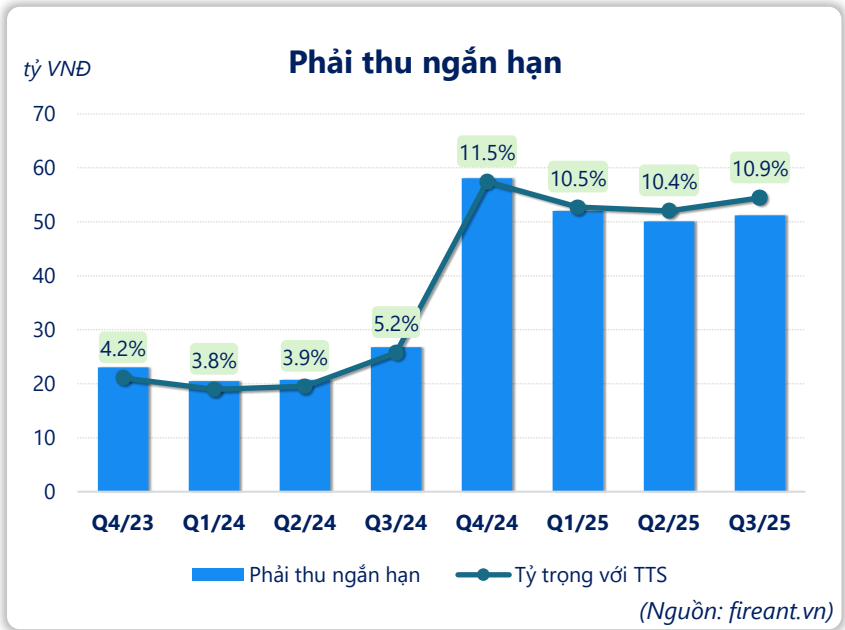
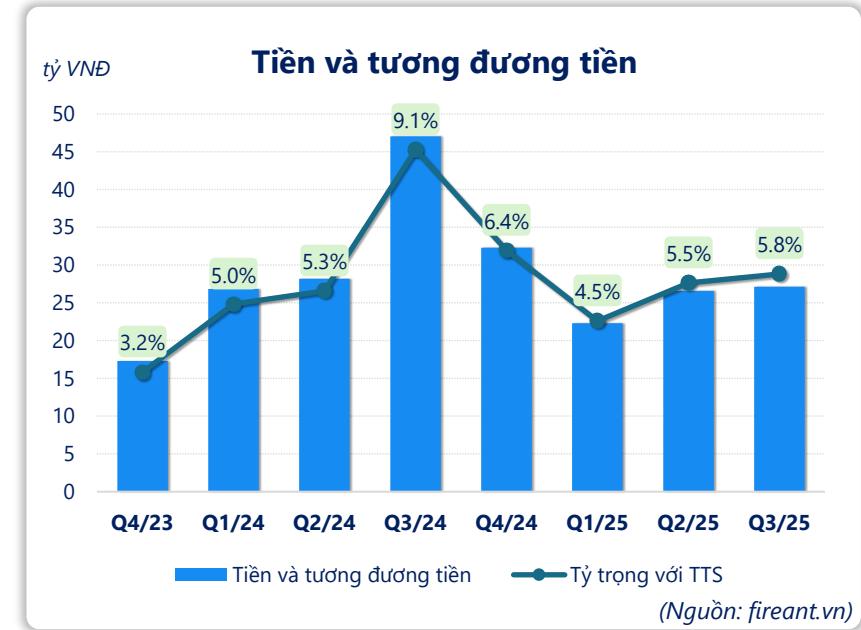
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
SL cổ phiếu LH		21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,130
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		164
P/E		10.1
EPS		771

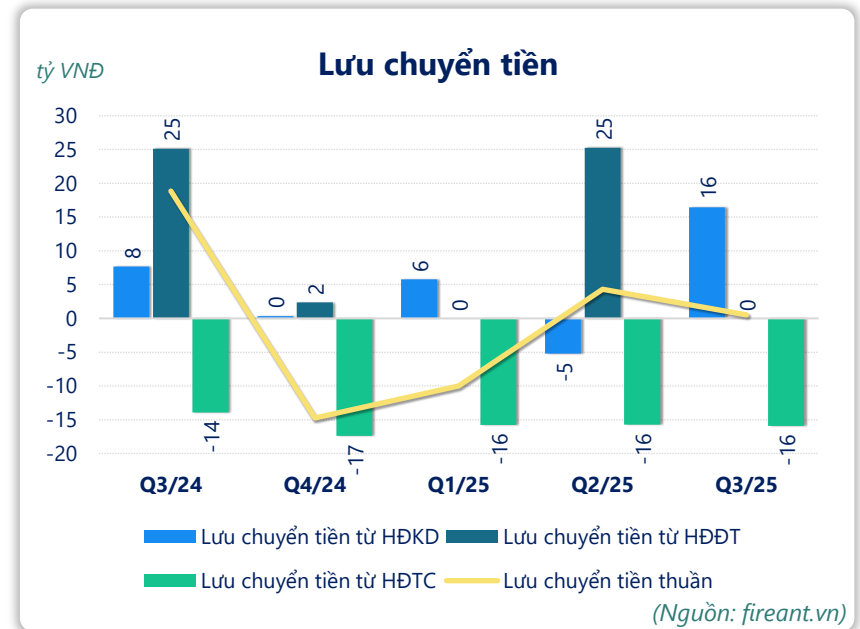
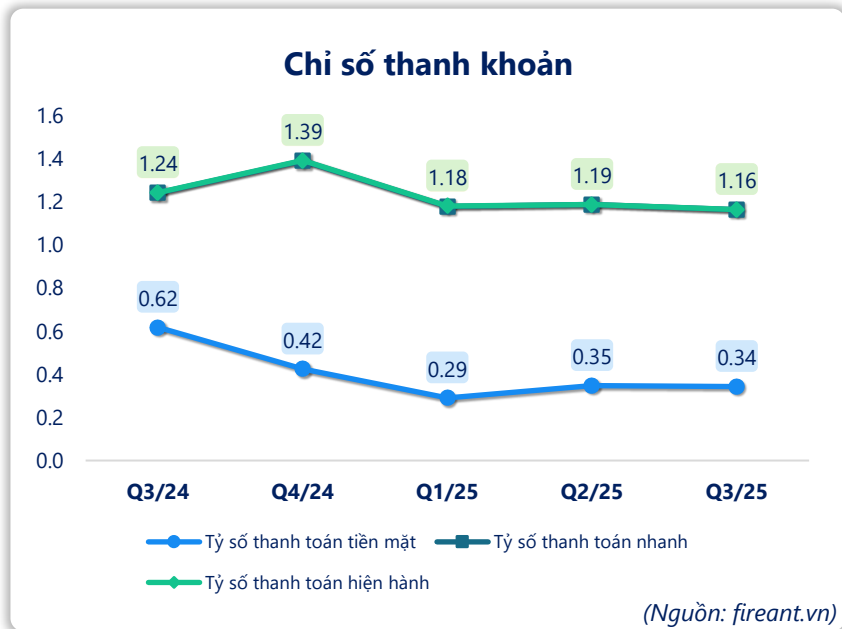
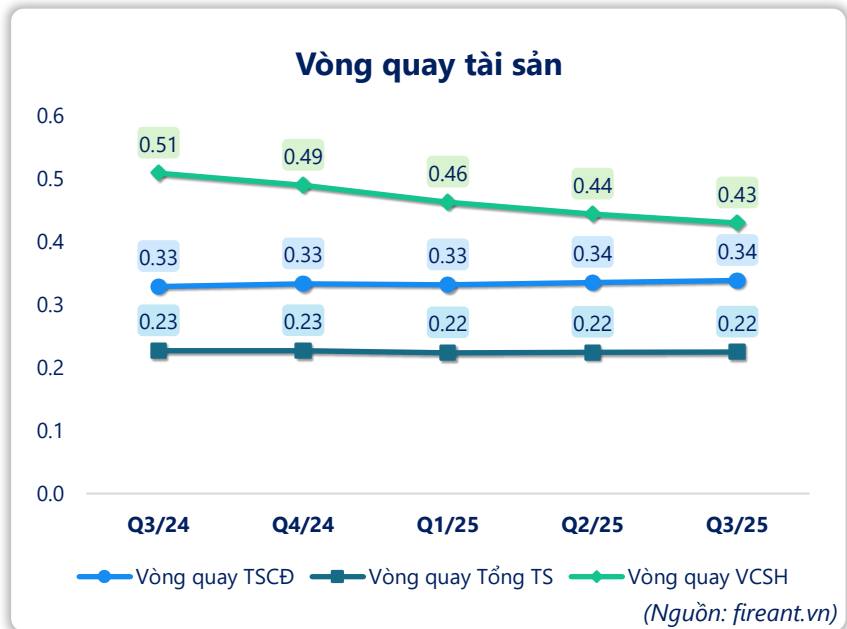
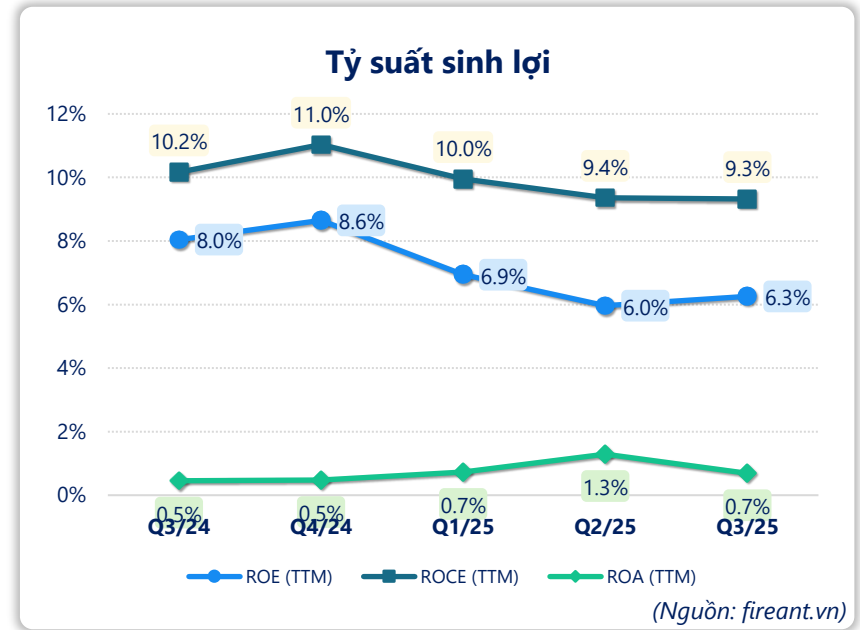
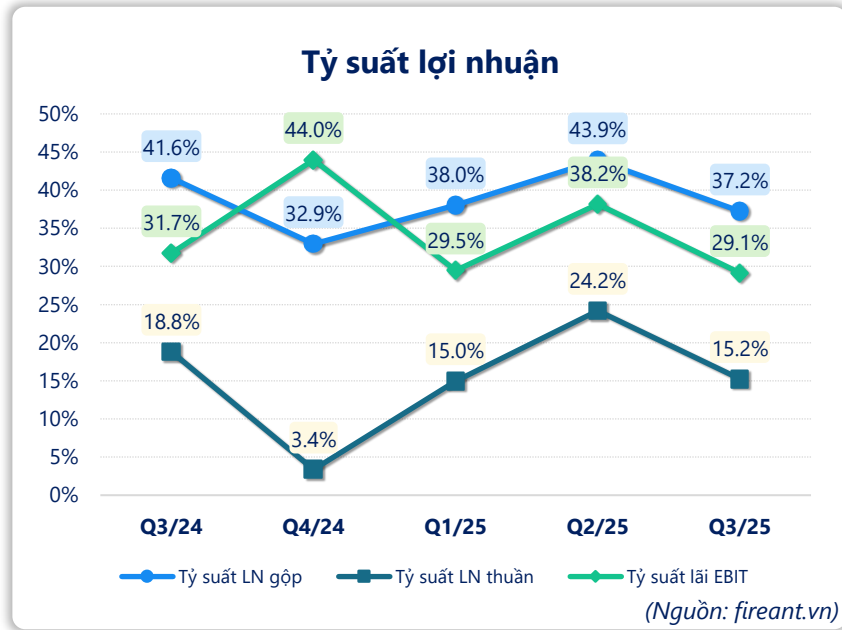
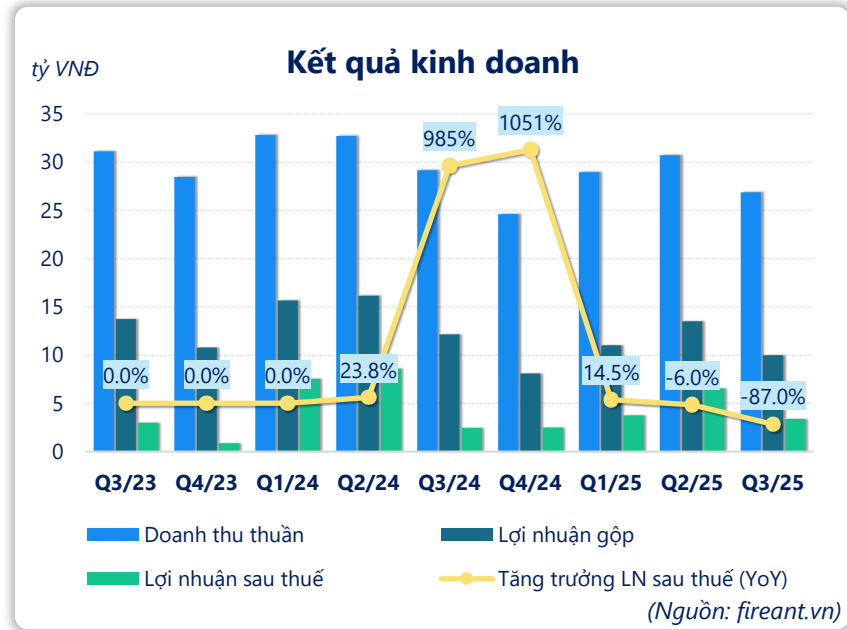
	YTD	1T	3T	6T
HIO	-17.0%	-3.7%	11.4%	-14.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Helio Energy (UPCOM: HIO)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	470	505	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	92.0	106	-13.2%
Tiền và tương đương tiền	27.1	32.3	-16.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	51.2	58.1	-11.9%
Hàng tồn kho	0.04	0.15	-74.9%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	15.5	-12.0%
Tài sản dài hạn	378	399	-5.3%
Phải thu dài hạn	11.1	8.09	36.6%
Tài sản cố định	309	338	-8.8%
Bất động sản đầu tư	24.4	26.1	-6.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.4	19.9	2.7%
Tài sản dài hạn khác	11.7	4.73	148%
Lợi thế thương mại	1.98	2.20	-10.1%
Nợ phải trả	204	252	-18.8%
Nợ ngắn hạn	78.9	76.1	3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	68.3	65.6	4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.92	1.47	167%
Nợ dài hạn	125	175	-28.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	125	175	-28.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	266	254	4.7%
Vốn chủ sở hữu	266	254	4.7%
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	29.2	24.6	28.9	30.7	26.9
Giá vốn hàng bán	17.0	16.5	17.9	17.2	16.9
Lợi nhuận gộp	12.1	8.11	11.0	13.5	10.00
Doanh thu HĐTC	0.12	0.08	0.01	0.01	0.00
Chi phí TC	4.83	4.97	4.25	4.18	3.79
Chi phí lãi vay	4.80	4.65	4.21	4.02	3.73
LN trong công ty LKLD	0.08	0.04	0.32	0.21	0.01
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.00	2.43	2.76	2.11	2.12
LN thuần từ HĐKD	5.49	0.83	4.33	7.43	4.10
Lợi nhuận khác	-1.03	5.35	-0.02	0.27	0.00
LN trước thuế	4.46	6.18	4.32	7.71	4.10
Lợi nhuận sau thuế	2.47	2.49	3.76	6.53	3.40
LNST của CĐ cty mẹ	2.47	2.49	3.76	6.53	3.40

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.66	0.31	5.77	-5.24	16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	25.1	2.35	0.01	25.3	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.9	-17.4	-15.8	-15.7	-15.9
Tiền đầu kỳ	28.2	47.0	32.3	22.3	26.6
Lưu chuyển tiền thuần	18.8	-14.7	-9.99	4.29	0.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.0	32.3	22.3	26.6	27.1

(Nguồn: fireant.vn)